

Số: 42/2021/QĐST-HNGĐ

Quan Hóa, ngày 22 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn T – Sinh năm 1985

Địa chỉ: Bản Lở, xã Nam Động, huyện Quan Hóa, Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Số CCCD: 038085004452, cấp ngày 21/12/2016; Nơi cấp: Cục trưởng Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Bị đơn: Chị Đinh Thị T – Sinh năm 1990

Địa chỉ: Bản Bản Lở, xã Nam Động, huyện Quan Hóa, Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Số CMND: 174994521, cấp ngày 12/10/2015; Nơi cấp: Công an tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 146, Điều 147, Điều 212, Điều 213, Điều 397, Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 và Điều 278 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 68, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 88, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117, Điều 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điều Điều 3; Điều 6; khoản 7 Điều 26; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Hà Văn T, sinh năm 1985 và chị Đinh Thị T, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Hà Văn T và chị Đinh Thị T thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2008 ngày 04/12/2008 của Ủy ban nhân dân xã Nam Động, huyện Quan Hóa không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Các đương sự công nhận và thống nhất trong thời kỳ hôn nhân có 02 con chung, tên các cháu là Hà Ngọc K, sinh ngày 27/12/2007 và cháu Hà Văn V, sinh ngày 04/3/2010, hiện các cháu đang ở với bố, các cháu phát triển bình thường về thể chất, trí lực. Quá trình giải quyết vụ án cả 02 cháu đều có bản nguyện vọng muốn được ở với bố; Anh Hà Văn T và chị Đinh Thị T tự nguyện thỏa thuận và thống nhất, đó là: Giao cháu Hà Ngọc K, sinh ngày 27/12/2007 và cháu Hà Văn V, sinh ngày 04/3/2010 cho anh Hà Văn T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi cháu từng trưởng thành (đủ 18 tuổi); Chị Đinh Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận và thống nhất, chị Đinh Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng), tức là mỗi cháu 750.000^d (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng)/ tháng, cho đến khi từng cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi); Hình thức cấp dưỡng: Hàng tháng; Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 10 năm 2021.

Vì quyền lợi mọi mặt của người con, khi cần thiết, chị Đinh Thị T có quyền làm đơn đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; Anh Hà Văn T và chị Đinh Thị T đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Hà Văn T tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Chấp nhận anh Hà Văn T đã nộp 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí HN&GD sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013232 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh Hà Văn T được nhận lại 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Chị Đinh Thị T phải nộp 150.000^d (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung trong vụ án HN&GD.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA – TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 9 - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Quan Hóa;
- Chi cục THADS huyện Quan Hóa;
- UBND xã Nam Động, huyện Quan Hóa;
- Nguyên đơn Hà Văn T;
- Bị đơn Đinh Thị T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tiến Dũng